TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 323/2018/DS-PT Ngày: 03/10/2018 V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em;

Bà Trần Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2018/TLPT-DS ngày 28/8/2018 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 128/2018/DS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2018/QĐ-PT ngày 30/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Hồ Thị N, sinh năm 1976 (có mặt);.

Địa chỉ: Đường N, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2017).

- *Bị đơn*: Lê Nguyễn Thúy D, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Lê Phát H, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Nguyễn Thúy D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Phát H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc C và người đại diện theo ủy quyền chị Hồ Thị N trình bày: Trước đây vào năm 2014, chị D có nhờ chị C mượn tiền dùm để đóng hụi và tiền lãi mà chị D vay của người khác. Đến đầu năm 2015 thì chị C và chị D tổng kết nợ với số tiền 114.400.000 đồng. Chị D thống nhất với số tiền nợ 114.400.000 đồng nên đã viết biên nhận và hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, bắt đầu trả từ tháng 7/2015 âm lịch. Sau đó, chị D cùng chồng là anh Lê Phát H trả cho chị C nhiều lần với số tiền là 22.400.000 đồng, còn nợ lại 92.000.000 đồng đến nay chưa trả. Chị C đã yêu cầu chị D và anh H trả nợ nhiều lần nhưng anh chị vẫn không thực hiện. Chị C đồng ý cấn trừ số tiền 20.000.000 đồng mà anh T đã nhận của anh H. Nay chị C yêu cầu chị D và anh H trả số tiền 72.000.000 đồng, yêu cầu tính theo lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày 31/7/2015 đến ngày xét xử với số tiền 5.775.000 đồng, tổng cộng 77.775.000 đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị Lê Nguyễn Thúy D trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Ngọc C. Vào năm 2015, chị có nợ chị C số tiền 114.400.000 đồng, có viết biên nhận, hứa mỗi tháng trả cho chị C số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó chị có trả chị C số tiền 16.000.000 đồng, còn nợ lại 98.000.000 đồng. Chị không có tiền trả nên xin ngưng vài tháng. Do chị C có thiếu nợ anh Đặng Văn T là cháu của chị C, nên chị C đã chuyển số nợ này sang cho anh T. Đến ngày 30/11/2016 chị có trả cho anh T số tiền 3.000.000 đồng, ngày 02/01/2017 chị trả cho anh T 3.000.000 đồng nhưng chị nhờ chị C xuống lấy, sau đó anh T có lấy thêm 2.000.000 đồng. Chị còn nợ lại 90.000.000 đồng không có tiền trả, anh T có yêu cầu chị trả ngay số tiền 20.000.000 đồng thì sẽ xóa nợ cho chị. Đến ngày 31/5/2017 chồng chị là anh Lê Phát H có trả cho anh T 20.000.000 đồng, anh T đã nhận tiền và viết biên nhận xóa nợ cho anh H. Như vậy, chị không còn nợ tiền chị C và anh T. Nay chị không đồng ý trả cho chị C số tiền 92.000.000 đồng và lãi suất từ tháng 7/2015 đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Phát H trình bày: Anh thừa nhận vợ anh là chị Lê Nguyễn Thúy D có mượn tiền nhiều lần của chị C, hiện còn nợ chị C số tiền 92.000.000 đồng. Sau đó, chị C có viết tờ giấy bàn giao số tiền nợ cho cháu là Đặng Văn T. Anh đã trả cho anh T số tiền 20.000.000 đồng và anh T đã viết tờ giấy xóa nợ cho vợ chồng anh chị vào ngày 31/5/2017, nên hiện nay vợ chồng anh không còn nợ chị C số tiền nào cả.

Số tiền nợ nêu trên anh không có mượn, không có giao dịch gì với chị C mà anh chỉ mang tiền đi trả cho chị C nhiều lần, mỗi lần trả từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Theo anh được biết số tiền nợ nêu trên là tiền nợ hụi của chị D chơi hụi với chị C và tiền lãi cộng dồn lại. Việc chị D chơi hụi anh không biết cũng không tham gia góp hụi. Nay chị C yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền

nợ 92.000.000 đồng và tiền lãi là 5.755.000 đồng thì anh không đồng ý trả theo yêu cầu của chị C.

Đối với anh Đặng Văn T, do các đương sự không cung cấp được thông tin, ngày tháng năm sinh, nơi cư trú và không biết anh T là ai nên Tòa án không thể triệu tập được anh T để tham gia tố tụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 128/2018/DS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc C.

Buộc chị Lê Nguyễn Thúy D và anh Lê Phát H cùng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc C số tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi 5.775.000 đồng, tổng cộng 75.775.000 đồng. Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 11/5/2018, chị Lê Nguyễn Thúy D và anh Lê Phát H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc C.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Lê Nguyễn Thúy D và anh Lê Phát H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung yêu cầu kháng cáo của chị Lê Nguyễn Thúy D và anh Lê Phát H là không có cơ sở, chị D và anh H không cung cấp chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Nguyễn Thúy D và anh Lê Phát H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của chị Lê Nguyễn Thúy D và anh Lê Phát H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Ngọc C, chị Lê Nguyễn Thúy D và anh Lê Phát H trình bày thống nhất vào năm 2015 chị D có vay của chị C số tiền 114.400.000 đồng, chị D có viết biên nhận nợ, hứa mỗi tháng sẽ trả cho chị C 2.000.000 đồng. Từ tháng 7/2015 đến tháng 9/2016 chị D trả cho chị C 16.000.000 đồng, còn lại 98.000.000 đồng, ngày 30/11/2016 chị D có trả cho chị C 3.000.000 đồng, ngày 02/01/2017 anh H có trả cho chị C 3.000.000 đồng, còn lại 92.000.000 đồng. Sau đó anh Đặng Văn T (theo văn bản chị C viết giao cho anh T ngày 20/11/2016) có nhận của chị D 2.000.000 đồng và ngày 31/5/2017 có nhận của anh H 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị D và anh H phải trả cho chị C 70.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 7/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.775.000 đồng.

Chị D và anh H trình bày thừa nhận còn nợ chị C số tiền 92.000.000 đồng, nhưng cho rằng chị C đã bàn giao số nợ cho anh T nên khi anh T nhận số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 31/5/2017, anh T viết giấy có nội dung: "... thấy hoàn cảnh anh quy khó khăn nên lấy số tiền trên sau sẽ không còn nợ tôi nữa" (BL19), xem như cho chị D và anh H không còn nợ tiền của chị C. Chị D và anh H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị C.

[3] Xét việc vay nợ các đương sự khai thống nhất chị D có vay của chị C 114.400.000 đồng vào năm 2015. Chị D viết giấy nợ, hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Từ tháng 7/2015 đến tháng 9/2016 chị D đã trả cho chị C 16.000.000 đồng, còn lại 98.000.000 đồng. Ngày 30/11/2016 chị D trả cho chị C 3.000.000 đồng, ngày 02/01/2017 anh H có trả cho chị C 3.000.000 đồng, còn lại 92.000.000 đồng. Đến ngày 31/5/2017 chị D và anh H đã trả cho chị C 22.000.000 đồng (do anh Đặng Văn T nhận), còn lại 70.000.000 đồng chị C yêu cầu chị D và anh H phải trả cho chị có tính tiền lãi.

Qua xem xét văn bản do chị C viết giao cho anh T ngày 20/11/2016, đại diện theo ủy quyền của chị C trình bày chị C nhờ anh T đòi tiền chị D còn nợ chị C, không thể hiện ý chí của chị C cho anh T được quyền định đoạt số tiền nợ này. Mặt khác sau khi chị C viết giấy giao anh T đòi nợ vào ngày 20/11/2016, chị D và anh H vẫn còn trả nợ cho chị C vào ngày 30/11/2016 và ngày 02/01/2017 số tiền 6.000.000 đồng, cho thấy ý thức của chị D và anh H cũng biết anh T là người chị C nhờ đi đòi nợ thay cho chị C như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của chị C, vì chị C vẫn còn giữ giấy biên nhận nợ của chị D. Như vậy yêu cầu khởi kiện của chị C là có cơ sở.

[4] Xét án sơ thẩm xét xử buộc chị D và anh H có nghĩa vụ trả cho chị C 70.000.000 đồng tiền vốn vay và 5.775.000 đồng tiền lãi là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Chị D và anh H kháng cáo không đồng ý trả số tiền vay của chị C, cho rằng anh T đã nhận 28.000.000 đồng và viết giấy cho toàn bộ số tiền còn lại là không có cơ sở, chị D và anh H cũng không cung cấp được chứng cứ mới. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D và anh H.

[5] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6] Chị Lê Nguyễn Thúy D và anh Lê Phát H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Nguyễn Thúy D và anh Lê Phát H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 128/2018/DS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc C.

Buộc chị Lê Nguyễn Thúy D và anh Lê Phát H cùng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc C số tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi 5.775.000 đồng, tổng cộng 75.775.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ngọc C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Nguyễn Thúy D và anh Lê Phát H chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3/ Về án phí: Chị Lê Nguyễn Thúy D và anh Lê Phát H phải chịu 3.788.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chị D và anh H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0014585 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, khấu trừ xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Hoàn lại chị Nguyễn Thị Ngọc C tiền tạm ứng án phí 1.150.000 đồng theo biên lai thu số 35763 ngày 04/10/2017 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 36488 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C, TG;
- CCTHADS huyện C, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Huỳnh Hiếu